

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo KT- KT, thiết kế BVTC và dự toán
Công trình: Trường THCS xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Hạng mục: Nhà hiệu bộ 2 tầng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 29/01/2021 của HĐND huyện Triệu Sơn về việc điều chỉnh Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/7/2020 của HĐND huyện về việc hỗ trợ xây dựng các công trình cho các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM năm 2021 trên địa bàn huyện;

Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND huyện Triệu Sơn về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng các công trình cho các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM năm 2021 trên địa bàn huyện;

Theo đề nghị của các ông: Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 50/TĐ-KTHT ngày 02/3/2021; Chủ tịch UBND xã Triệu Thành tại Tờ trình số 04/TTr-UBND ngày 12/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế BVTC và dự toán công trình Trường THCS xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

1. **Tên công trình:** Trường THCS xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn .
2. **Hạng mục:** Nhà hiệu bộ 2 tầng.
3. **Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng, cấp III.
4. **Chủ đầu tư:** UBND xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn.
5. **Đơn vị lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:** Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Tây Thành.
6. **Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Đầu tư xây dựng nhà hiệu bộ đảm bảo nhu hoạt động dạy và học của Trường THCS xã Triệu Thành, đảm bảo các tiêu chí Trường chuẩn Quốc gia.
7. **Địa điểm xây dựng:** Xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

8. Quy mô, các giải pháp thiết kế chủ yếu công trình.

8.1. Giải pháp kiến trúc:

Công trình có quy mô 02 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 25,2x8,5m; chiều cao mỗi tầng là 3,6m, chiều cao mái là 2,1m; chiều cao từ cos nền hoàn thiện đến cos đỉnh mái là 9,3m. Giao thông ngang bằng hành lang trước rộng 2,4m; giao thông đứng bằng cầu thang trực (4-5), vế thang rộng 2,4m. Mặt bằng tầng 1 gồm: 1 phòng đọc, 1 phòng thư viện, 1 phòng KHTN, 1 phòng KHXH và khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt; mặt bằng tầng 2 gồm 1 phòng hội đồng, 1 phòng hiệu phó, 1 phòng văn phòng, 1 phòng hiệu trưởng.

- Tường xây gạch không nung VXM M50, trát tường, dầm, trần VXM M75; toàn bộ tường, dầm trần sơn 01 nước lót, 02 nước màu hoàn thiện. Nền, sàn lát gạch Ceramic KT 500x500mm, nền nhà vệ sinh lát gạch chống trơn KT 300x300mm, ốp gạch men kính KT 300x600mm cao 1,9m.

- Cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhựa lõi thép gia cường, kính trắng dày 5mm; hoa sắt cửa sổ thép vuông đặc 14x14mm, sơn tĩnh điện.

- Mái xây tường thu hồi gạch không nung VXM M50, trát VXM M75, xà gồ thép hộp U80x40x3mm; mái lợp tôn liên doanh dày 0,4mm.

- Lan can hành lang tầng 1 bằng sắt hộp 40x40mm, tay vịn BTCT đá 1x2 M200; lan can hành lang tầng 2 xây gạch không nung VXM M50, ốp gạch thẻ màu đỏ, kết hợp lắp sắt hộp 40x40mm, tay vịn BTCT đá 1x2 M200; lan can cầu thang chính bằng sắt vuông 16x16, 20x20, tay vịn gỗ 60x80.

- Bậc cầu thang, bậc tam cấp xây bằng gạch không nung VXM M50. Mặt bậc cầu thang trát granito, bậc tam cấp ốp đá granit.

8.2. Giải pháp kết cấu:

- Phần móng: Móng đơn BTCT M200 đá 1x2 dưới cột, kết hợp móng xây đá học VXM M50; giằng móng BTCT đá 1x2 M200 đổ tại chỗ, tiết diện giằng móng 220x300mm.

- Phần thân: Nhà kết cấu khung chịu lực; Hệ cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 M200 đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình 220x300mm, 220x350mm, 220x500mm. Sàn BTCT đá 1x2 M200 dày 10cm; bản BTCT cầu thang bộ dày 10cm.

8.3. Giải pháp cấp điện, chống sét:

- Cấp điện: Được lấy từ nguồn điện hiện có kéo vào công trình. Nguồn điện /từ tủ điện tổng đến tủ điện các tầng bằng dây dẫn CU/PVC 2x6mm²; dây dẫn trong phòng dùng dây CU/PVC 2x1,5mm²; 2x2,5mm². Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen đi ngầm trong tường và trần.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét $\phi 16$ dài 1m; dây dẫn sét thép $\phi 10$. Hệ cọc tiếp địa mạ đồng d16 dài 2,5m chôn sâu cách mặt đất 0,75m; dây tiếp địa thép $\phi 12$.

8.4. Giải pháp cấp thoát nước:

- Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn nước trong khu vực và được bơm lên téc nước đặt trên mái sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh. Ống cấp nước sử dụng các ống PPR.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ chậu, bồn, lavabo, được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC.

- Nước mưa trên mái được thu về sê nô xung quanh mái vào các ống đứng thoát nước PVC D90 và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

9. Giá trị dự toán và nguồn vốn.

9.1. Giá trị dự toán : 2.766.965.000đ.

(Hai tỷ, bảy trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp:	2.248.160.000đ;
- Chi phí QLDA:	67.076.919đ;
- Chi phí TVĐTXD:	265.934.766đ;
- Chi phí khác:	54.033.039đ;
- Chi phí dự phòng 5%:	131.760.236đ;

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

9.2. Nguồn vốn đầu tư: Vốn hỗ trợ từ ngân sách huyện theo Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND huyện Triệu Sơn, ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư ký hợp đồng ủy thác quản lý dự án theo quy định.

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây Dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và PTNN; Chủ tịch UBND xã Triệu Thành; Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện Triệu Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG THCS TRIỆU THÀNH, HUYỆN TRIỆU SƠN
HẠNG MỤC: NHÀ HIỆU BỘ 2 TẦNG

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-UBND ngày /3/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

ĐVT: VNĐ

TT	DIỄN GIẢI	KÝ HIỆU	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	VAT(10%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd	2.043.781.818	204.378.182	2.248.160.000
1	Chi phí xây dựng		2.043.781.818	204.378.182	2.248.160.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlda	67.076.919		67.076.919
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Gtv	241.758.879	24.175.888	265.934.766
1	Chi phí khảo sát địa chất		52.116.364	5.211.636	57.328.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật		113.675.145	11.367.514	125.042.659
3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng		8.829.137	882.914	9.712.051
4	Chi phí giám sát thi công xây lắp		67.138.233	6.713.823	73.852.056
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk	51.257.989	2.775.050	54.033.039
1	Chi phí thẩm định Báo cáo KTKT		525.723		525.723
2	Bảo hiểm công trình		2.452.538	245.254	2.697.792
3	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu		13.427.647		13.427.647
4	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu		2.043.782		2.043.782
5	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		7.510.333		7.510.333
6	Chi phí kiểm toán		25.297.965	2.529.797	27.827.762
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Gdp	120.193.780	11.566.456	131.760.236
	Dự phòng do yếu tố phát sinh khối lượng		120.193.780	11.566.456	131.760.236
	TỔNG CỘNG		2.524.069.385	242.895.576	2.766.964.961
	LÀM TRÒN				2.766.965.000
<i>(Hai tỷ, bảy trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)</i>					